

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: PLT08A

ĐỀ TÀI: Sức lao động là gì? Phân tích tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động Việt Nam. Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường lao động sau khủng hoảng đại dịch Covid-19

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Hương Lan

Lớp : K23ATCC

Mã sinh viên : 23A7510165

Hà nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	2
1. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn.....	3

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: SỨC LAO ĐỘNG.....	
1.1. Khái niệm sức lao động và hàng hóa sức lao động.....	3
1.2. Giá trị của hàng hóa sức lao động.....	4

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG.....	
2.1. Thực trạng thị trường sức lao động ở Việt Nam hiện nay.....	6
2.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động.....	8

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP.....	
--------------------------	--

3.1. Giải pháp khắc phục thị trường lao động sau tác động của dịch Covid-19....	15
---	----

KẾT LUẬN.....	16
---------------	----

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	16
-------------------------	----

LỜI MỞ ĐẦU

Từ xưa đến nay, mỗi khi nhắc về "Sức lao động" ta đều hiểu như một điều hiển nhiên tất yếu. "Một ao-xơ hành động đáng giá bằng cả tấn lý thuyết". Hay đơn giản muốn ăn quả thì buộc ta phải treo cây mà thôi. Sức lao động quyết định mọi thứ, ta cần gì, muốn gì, "sung túc" hay "nghèo khó" đều dựa vào sức lao động. Và trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay, sự thịnh vượng của các quốc gia không còn chỉ dựa vào sự giàu có của nguồn tài nguyên thiên nhiên mà được xây dựng chủ yếu trên nền tảng văn minh trí tuệ của con người. Nguồn lao động, sức lao động hay thị trường lao động đều là những thứ tài sản quý giá và to lớn của quốc gia, cũng là một trong những điều kiện tiên quyết thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Nếu như trước đây, Chủ nghĩa Mác -Lênin đã có những luận điểm khoa học, toàn diện và biện chứng về sức lao động. Thì từ đến năm 1986, Đảng và Nhà nước ta đã chính thức công nhận sức lao động là một loại hàng hoá, cho nên việc xây dựng thị trường sức lao động là tất yếu.

Đề tài nghiên cứu này nhằm mục đích đưa ra những góc cạnh về lý luận thực tế của định nghĩa sức lao động, cùng với đó là tác động của đại dịch Covid 19 đến thị trường lao động Việt Nam. Việc nhận thức đúng đắn và hiểu rõ bản chất còn giúp cho chúng ta đề xuất được những giải pháp để phát triển thị trường lao động sau khủng hoảng covid 19.

Trong đề tài nghiên cứu này, em xin trình bày quan điểm của cá nhân về vấn đề sức lao động. Tuy nhiên, do trình độ chỉ giới hạn ở tầm nhìn của một sinh viên nên bài tiểu luận chỉ giới hạn kiến thức đã dạy trong trường và một số kiến thức bản thân nhìn nhận cuộc sống hằng ngày, các ý kiến đánh giá, số liệu được nghiên cứu chuyên sâu và được đăng tải trên các bài báo và mạng xã hội.

1. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: xây dựng những luận cứ khoa học cho việc củng cố và phát triển thị trường lao động là một trong những vấn đề quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Lý luận chung về sức lao động
- Khái niệm, giá trị của hàng hóa sức lao động
- Thực trạng thị trường Việt Nam hiện nay
- Những tác động tới thị trường lao động Việt Nam của đại dịch Covid-19
- Giải pháp khắc phục

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: hàng hóa sức lao động và thị trường lao động Việt Nam hiện nay

Phạm vi về không gian, thời gian: Việt Nam, 3 năm trở lại đây

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: quan điểm triết học chủ nghĩa Mác – Lê nin

Phương pháp nghiên cứu: đề tài sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật với các phương pháp như: thống nhất lôgic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa.

4. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: làm rõ lý luận chung về sức lao động từ đó phân tích thực trạng thị trường lao động Việt Nam hiện nay

Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu tiểu luận có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy môn triết học Mác - Lênin, CNXH khoa học...

CHƯƠNG 1: Khái quát lý luận

1.1. Khái niệm sức lao động và hàng hóa sức lao động

Khái quát: Sức lao động là một hàng hóa đặc biệt được dùng trong việc tạo ra giá trị thặng dư, giá trị của nó không ngừng được bảo tồn mà còn tạo ra được giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó

- Sức lao động

Sức lao động là một khái niệm trọng yếu trong kinh tế chính trị Mác-xít. C.Mác định nghĩa sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất, trí tuệ, và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó. Sức lao động là khả năng lao động của con người, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất và là lực lượng sản xuất sáng tạo chủ yếu của xã hội. Tuy nhiên, sức lao động mới chỉ là khả năng lao động còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong đời thực.

- Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Để biến sức lao động trở thành hàng hóa cần hai điều kiện

Một, người lao động được hoàn toàn tự do về thân thể, có khả năng chi phối sức lao động của mình

Hai, người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa trong đó lao động của anh ta kết tinh để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

Khi sức lao động trở thành hàng hóa, nó cũng bao gồm hai thuộc tính như các loại hàng hóa thông thường. Đó là thuộc tính giá trị và thuộc tính giá trị sử dụng, trong đó:

1.2. Giá trị hàng hóa sức lao động

Về giá trị hàng hóa sức lao động: Trước hết, giá trị của hàng hóa là một thuộc tính của hàng hóa, đó chính là lao động hao phí của người sản xuất để sản xuất ra nó đã được kết tinh vào trong hàng hóa. Để hiểu khái niệm này, phải đi từ sự trao đổi và

giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, là tỉ lệ theo đó một giá trị sử dụng loại hàng hóa này được trao đổi với giá trị sử dụng khác.

Ví dụ: 1m vải có thể đổi được 4kg gạo. Gạo và vải, tại sao lại trao đổi được với nhau, hơn nữa lại trao đổi được theo tỉ lệ nhất định như vậy, rõ ràng nó phải có một cơ sở chung. Đó không phải giá trị sử dụng của chúng vì rõ ràng gạo và vải có giá trị sử dụng hoàn toàn khác nhau mà ở đây cái chung đó là cả vải và gạo đều là sản phẩm chung của lao động, do lao động (thời gian và công sức lao động) được chứa đựng trong hàng hóa, đó chính là cơ sở giá trị của hàng hóa. Đây là khái niệm được khẳng định trong các giáo trình kinh tế chính trị. Về tổng thể, ta nhận thấy sức lao động cũng như thế, là một sản phẩm có được từ lao động của con người, được đo bằng thời gian lao động.

Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định. Xét về cấu thành, do hàng hóa sức lao động tồn tại trong con người đang sống nên để sống và tái sản xuất ra sức lao động, người lao động phải tiêu dùng một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định.

Bởi sức lao động chỉ tồn tại dưới dạng năng lực sống của con người nên không thể tự sinh ra, muốn tái sản xuất ra nó, người công nhân phải tiêu dùng một lượng tư liệu sinh hoạt nhất định về ăn, mặc, ở,... hơn nữa người công nhân cũng phải thỏa mãn những nhu cầu của gia đình và con cái.

Vì vậy, thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà người lao động sử dụng để tái sản xuất ra sức lao động. Nói cách khác, về cách tính, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động. Cho nên, cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động sẽ bao gồm 3 thành phần:

Một là, giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động.

Hai là, phí tổn đào tạo người lao động

Ba là, giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để nuôi con người lao động

Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên.

Về giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động: Giá trị sử dụng của một vật phẩm chính là tính chất có ích, công dụng của vật thể đó có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó cho việc sản xuất hoặc cho sự tiêu dùng cá nhân. Một vật thể hay một vật phẩm có thể có nhiều giá trị sử dụng.

Ví dụ: Một con dao được dùng chủ yếu để cắt nguyên liệu nên giá trị sử dụng chính của nó là cắt. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp hi hữu nhất định, nó có thể được sử dụng như một vũ khí chiến đấu, khi đó giá trị sử dụng của nó được biến đổi từ

cắt sang chiến đấu. Giá trị sử dụng của hàng hóa được quyết định bởi những thuộc tính tự nhiên và những thuộc tính mà con người hao động tạo ra cho nó

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động của giá như giá trị sử dụng của một loại hàng hóa thông thường là thỏa mãn nhu cầu của người mua thông qua trao đổi mua bán. Bởi vì bất cứ hoạt động sản xuất nào cũng cần phải có sức lao động mới tạo ra được sản phẩm, cho dù khoa học công nghệ phát triển và máy móc, trang thiết bị ngày càng tiến tiến thì sức lao động vẫn là một yếu tố quan trọng không thể thiếu.

Với sức lao động của mình, người công nhân làm thuê cho các chủ doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm, còn chủ doanh nghiệp mua sức lao động của người công nhân nhằm sản xuất hàng hóa và thu về lợi nhuận. Sức lao động đã thỏa mãn nhu cầu của cả hai bên thông qua hoạt động mua bán

Tuy nhiên khác với nhu cầu thông thường, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa sức lao động thương mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị tăng thêm, giá trị lớn hơn giá trị hàng hóa lúc ban đầu khi mua.

Hàng hóa sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt, nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử, trong khi các loại hàng hóa thông thường không có. Bởi vì người công nhân luôn có những nhu cầu về vật chất và tinh thần, và những nhu cầu đó phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước ở từng thời kỳ, đồng thời phụ thuộc cả vào điều kiện địa lý, khí hậu của nước đó.

Hơn thế, giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không hàng hóa thông thường nào có thể có được, đó là trong khi sử dụng, không những giá trị của nó được bảo tồn mà đồng thời còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn. Đây chính là chìa khóa chỉ rõ nguồn gốc của giá trị lớn hơn nêu trên do đâu mà có.

C.Mác khẳng định sự hao phí sức lao động là nguồn gốc của giá trị thặng dư.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG

2.1. Thực trạng thị trường sức lao động ở Việt Nam hiện nay

Tình hình thị trường lao động

Từ năm 1986 Đảng và Nhà nước ta đã chính thức công nhận sức lao động là một loại hàng hoá, cho nên việc xây dựng thị trường sức lao động là tất yếu. Đảng ta cũng nhấn mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề cốt lõi, trọng tâm của Đảng và hàng hóa sức lao động là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế công nghiệp, kinh tế thị trường.

Ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng, vấn đề thị trường hàng hoá sức lao động không chỉ là tiêu thức kinh tế mà còn mang ý nghĩa chính trị. Đặc biệt, đối với một đất nước đang trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và tiến tới hội nhập kinh tế quốc tế thì vấn đề này lại càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Trong những năm gần đây, sự phát triển của thị trường lao động ở nước ta đã đạt được những kết quả nhất định, là cơ sở để hoàn thiện quan hệ lao động và phát triển kinh tế - xã hội. Với sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản

xuất, nhu cầu phát triển đồng thời các loại thị trường đã góp phần phân bổ hợp lý, nhanh chóng và hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế, thị trường lao động. Về phát triển kinh tế, Việt Nam đang chuyển từ nền sản xuất hàng hóa giản đơn sang nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, áp dụng những lợi ích của nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa.

Nước ta có nguồn lao động hết sức dồi dào, đặc biệt là lao động trẻ. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý IV năm 2020 là 55,1 triệu người, tăng 563,8 nghìn người so với quý trước nhưng vẫn thấp hơn 860,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Điều này một lần nữa khẳng định xu hướng phục hồi của thị trường lao động sau khi ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục vào quý II năm 2020. Mặc dù vậy, sự phục hồi này vẫn chưa đưa lực lượng lao động trở về trạng thái của cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính đạt 54,6 triệu người, giảm 1,2 triệu người so với năm 2019. Sự sụt giảm này chủ yếu là từ lực lượng lao động ở khu vực nông thôn. So với năm 2019, lực lượng lao động khu vực nông thôn giảm hơn 1,1 triệu người.

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý IV năm 2020 ước tính là 48,8 triệu người, tăng 285,7 nghìn người so với quý trước và giảm 430,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị là 16,5 triệu người, chiếm 33,9%; lực lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động đạt 22,2 triệu người, chiếm 45,5% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước.

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2020 ước tính là 48,3 triệu người, giảm 849,5 nghìn người so với năm trước. Lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị là 16,5 triệu người, chiếm 34,1%; lực lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động đạt 21,9 triệu người, chiếm 45,4% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý IV năm 2020 ước tính là 74,4%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước nhưng vẫn thấp hơn 2,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ là 68,9%, thấp hơn 11,3 điểm phần trăm so với nam (80,2%). Mức độ tham gia lực lượng lao động của dân cư khu vực thành thị và nông thôn vẫn còn khác biệt đáng kể, cách biệt 11,9 điểm phần trăm (thành thị: 66,9%; nông thôn: 78,8%). Xem xét theo nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn ở tất cả các nhóm tuổi, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 15-24 tuổi (thành thị: 35,6%; nông thôn: 63,1%) và nhóm từ 55 tuổi trở lên (thành thị: 34,4%; nông thôn: 49,7%). Điều này cho thấy, người dân tại khu vực nông thôn gia nhập thị trường lao động sớm hơn và rời bỏ thị trường muộn hơn khá nhiều so với

khu vực thành thị; đây là đặc điểm điển hình của thị trường lao động với cơ cấu lao động tham gia ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2020 ước tính khoảng 74%, giảm 2,8 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ là 68,7%, thấp hơn 10,9 điểm phần trăm so với nam (79,6%). Tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 64,8% và ở khu vực nông thôn là 79,7%.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý IV năm 2020 tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ chung của cả nước, lần lượt là 69,1% và 65,2%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 lần lượt là 67,0% và 63,5%. Thực tế, đây là hai thành phố lớn, tập trung nhiều trường cao đẳng, đại học, trung tâm dạy nghề nên thu hút một lực lượng lớn dân số trong độ tuổi lao động tới cư trú với mục đích học tập hơn là tham gia thị trường lao động. Ngoài ra, một bộ phận không nhỏ dân số từ 15 tuổi trở lên đang sinh sống tại hai thành phố này thuộc đối tượng nghỉ hưu hoặc có xu hướng ở nhà làm công việc nội trợ thay vì tham gia làm việc tạo thu nhập.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên quý IV năm 2020 là 24,6%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ qua đào tạo của lao động khu vực thành thị đạt 40,8%, cao hơn 2,5 lần khu vực nông thôn (16,6%).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên năm 2020 là 24,1%, cao hơn 1,3 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 39,9%, trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực nông thôn là 16,3%. Có sự khác biệt đáng kể này là do lao động ở khu vực thành thị có điều kiện tham gia đào tạo hơn so với lao động khu vực nông thôn. Mặt khác, đặc thù công việc ở khu vực thành thị đòi hỏi lao động phải có kỹ năng, tay nghề cao trong khi đó ở khu vực nông thôn lao động chủ yếu làm công việc giản đơn trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Trong tổng số 18,9 triệu người từ 15 tuổi trở lên không tham gia thị trường lao động (ngoài lực lượng lao động) của quý IV năm 2020, có 8,4 triệu người trong độ tuổi lao động. Gần 60% trong số 8,4 triệu người này không tham gia lực lượng lao động vì đang đi học (tập trung chủ yếu ở nhóm 15-19 tuổi), trên 25% đang làm nội trợ, 7,0% do ốm đau lâu dài, thương tật hoặc tàn tật, còn lại gần 8,0% là vì các lý do khác như nghỉ hưu/nhận trợ cấp hoặc không có nhu cầu làm việc,....

Tính chung năm 2020, cả nước có 19,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên không tham gia thị trường lao động, tăng 2,3 triệu người so với năm 2019, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 8,9 triệu người. Trong số 19,1 triệu người ngoài lực lượng lao

động này, có đến 74,1% nằm trong độ tuổi từ 15-19 tuổi và 60 tuổi trở lên (nhóm tuổi học sinh, sinh viên và lao động ở độ tuổi nghỉ hưu).

2.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động.

Đại dịch Covid - 19 đã tàn phá nghiêm trọng tổng thể nền kinh tế và thị trường lao động toàn cầu, là cú sốc kinh tế lớn nhất trong vòng 35 năm qua. Sự tàn phá của đại dịch không chỉ với các nền kinh tế dễ bị tổn thương mà còn khiến cho nhiều nền kinh tế lớn rơi vào tình trạng bế tắc: kinh tế suy giảm, thất nghiệp tràn lan, nghèo đói và thất nghiệp gia tăng....

Đây hiện đang là cú sốc mạnh đối với thị trường kinh tế và lao động, gây ảnh hưởng trầm trọng đến nguồn cung sản xuất hàng hóa và dịch vụ, gây ra những tác động mạnh tới nhu cầu tiêu dùng và đầu tư. Tác động của cuộc khủng hoảng đã làm đứt gãy quá trình sản xuất diễn ra trước tiên ở châu Á, sau đó lan rộng sang các chuỗi cung ứng trên toàn thế giới, ảnh hưởng đến tình trạng việc làm trên ba khía cạnh chính:

- (1) Số lượng việc làm (cả thất nghiệp và thiếu việc làm)
- (2) Chất lượng công việc (ví dụ: tiền lương và tiếp cận an sinh xã hội)
- (3) Ảnh hưởng đến các nhóm cụ thể là những người dễ bị tổn thương hơn với tình trạng bất lợi của thị trường lao động

Đại dịch Covid - 19 đã gây nên sự sụt giảm chưa từng có đối với hoạt động kinh tế và số giờ làm việc trên toàn thế giới. Trong đó, tình trạng mất việc làm và số giờ làm việc bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Ước tính có 1,25 tỷ lao động, chiếm 38% lực lượng lao động toàn cầu đang làm việc trong các lĩnh vực phải đối diện với sự sụt giảm trầm trọng về sản lượng, nguy cơ cao bị sa thải, bao gồm các ngành: thương mại bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống và sản xuất. Đặc biệt đối với các nước có thu nhập thấp và trung bình, các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất lại có tỷ lệ cao người lao động làm các công việc phi chính thức và người lao động ít được tiếp cận với các dịch vụ y tế cũng như an sinh xã hội.

Theo ILO, các lĩnh vực được xem là có nguy cơ cao bị đình trệ là hoạt động lưu trú và ăn uống; sản xuất; bất động sản; hoạt động kinh doanh và hành chính; bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe gắn máy và xe máy. Lao động chịu tác động lớn nhất thường là những người bị trả lương thấp và ít thuộc diện bao phủ của an sinh xã hội. Ước tính mức tăng số lượng thất nghiệp toàn cầu vào cuối năm 2020, sẽ cao hơn đáng kể so với số dự báo ban đầu 25 triệu người.

Tại Việt Nam, ước tính sơ bộ có 19% doanh nghiệp đã tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô; 98% lao động khu vực du lịch, dịch vụ nghỉ việc; 78% lao động ngành vận tải, giày da, dệt may bị giảm việc làm, giãn việc hoặc ngừng việc; 98% lao động hàng không tạm nghỉ việc. Hàng triệu lao động đã và đang bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là lao động giản đơn có thu nhập thấp và không thường xuyên. Trong tháng 02/2020 số người thất nghiệp trên cả nước đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm

thất nghiệp khoảng 47,1 nghìn người, tăng 63,26% so với tháng 01/2020. Quý II năm 2020, lực lượng lao động của Việt Nam giảm 2,2 triệu so với quý I và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ lệ thất nghiệp 2,73% cao nhất trong 10 năm qua và tỷ lệ tham gia thị trường lao động giảm sâu hơn ở khu vực nông thôn và lực lượng lao động nữ. Đến hết tháng 6/2020, Việt Nam có 30,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, bao gồm: mất việc, giảm giờ làm, giảm thu nhập, v.v. Thu nhập bình quân/tháng của người lao động là 5,2 triệu đồng, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Những nhóm lao động dễ bị tổn thương nhất đang phải gánh chịu những tác động kinh tế nặng nề nhất của đại dịch. Với những ước tính trên của cuộc khủng hoảng kinh tế và lao động cho thấy một bức tranh tổng thể về giờ làm giảm và tình trạng thất nghiệp trầm trọng trên toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Đại dịch đã khiến hàng triệu người rơi vào tình trạng thất nghiệp, giảm giờ làm, giảm tiền lương và rơi xuống nghèo đói. Sự tổn thất thu nhập của lao động dẫn đến sự sụt giảm các chỉ tiêu của hàng hóa và dịch vụ, tới khả năng duy trì kinh doanh liên tục của các doanh nghiệp và những khó khăn đảm bảo khả năng phục hồi cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm

Hiện nay, cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19. Mặc dù những nỗ lực khôi phục kinh tế đi đôi với phòng chống dịch đã phần nào cải thiện các gam màu xám của tình hình lao động việc làm trong nước, nhưng trong quý I năm 2021, cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 trong đó nam giới chiếm 51,0% và số người trong độ tuổi từ 25 đến 54 chiếm gần hai phần ba.

Trong tổng số 9,1 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, có 540 nghìn người bị mất việc, 2,8 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh; 3,1 triệu người cho biết họ bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên và 6,5 triệu lao động báo cáo họ bị giảm thu nhập.

Lao động khu vực thành thị chịu tác động nhiều hơn khu vực nông thôn với 15,6% lao động khu vực thành thị còn bị ảnh hưởng, trong khi đó con số này ở nông thôn là 10,4%.

Nhóm lao động thất nghiệp chịu tác động mạnh mẽ nhất khi 36,3% trong số họ vẫn còn chịu ảnh hưởng tiêu cực, tiếp đó là lao động có việc làm (15,5%), chỉ có 4,3% lao động không hoạt động kinh tế còn chịu tác động tiêu cực bởi đại dịch này.

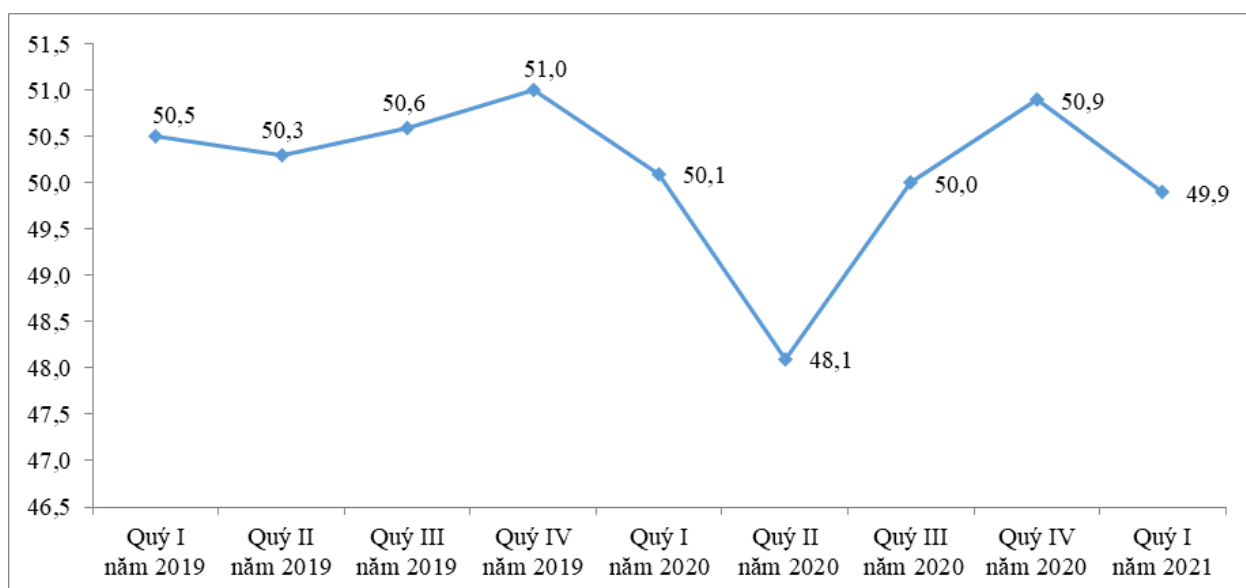
Xét theo 3 khu vực, khu vực ít chịu tác động nhất của đại dịch là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 7,5% lao động cho biết chịu tác động tiêu cực của đại dịch. Thứ hai là khu vực công nghiệp và xây dựng với 16,5% lao động bị ảnh

hưởng. Lao động trong khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, chiếm tỷ lệ 20,4%.

Lực lượng lao động quý I năm 2021 giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Xu thế tăng về số lượng lao động của năm sau so với cùng kỳ các năm trước đã không còn là điều hiển nhiên. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2021 là 51,0 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với quý trước và giảm 180,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So sánh với quý trước, sự sụt giảm của lực lượng lao động là xu thế thường quan sát được trong nhiều năm kể cả những năm trước khi xảy ra đại dịch do tâm lý “tháng giêng là tháng ăn chơi” của nhiều lao động sau kì nghỉ Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 ngay trước dịp Tết Nguyên đán đã làm thay đổi xu thế tăng thường thấy so với cùng kỳ các năm trước. Thông thường, theo đà tăng dân số, lực lượng lao động năm sau luôn tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lực lượng lao động quý I năm 2021 xuống thấp hơn cùng kỳ năm trước gần 200 nghìn người và thấp hơn cùng kỳ khi chưa có dịch (năm 2019) khoảng 600 nghìn người.

Sự bùng phát lần thứ 3 của đại dịch Covid-19 làm suy giảm đà phục hồi của thị trường lao động đã đạt được trong 2 quý cuối năm 2020 đồng thời khiến nhiều người lao động, đặc biệt phụ nữ trở thành lao động có việc làm phi chính thức. Trong quý I năm 2021, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,9 triệu người, giảm 959,6 nghìn người so với quý trước và giảm 177,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn và ở nam giới (tương ứng là giảm 491,5 nghìn người và 713,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước).

Trong năm 2020, sự bùng phát mạnh của dịch Covid-19 đã làm thị trường lao động suy giảm mạnh trong quý II, số lao động có việc làm giảm từ 50,1 triệu người trong quý I xuống còn 48,1 triệu người, giảm gần 2 triệu người. Cũng trong năm này ở hai quý tiếp theo, do sự kiểm soát dịch tốt cùng việc thực hiện nới lỏng cách ly xã hội và những chính sách hỗ trợ ảnh hưởng của Chính phủ, thị trường lao động có sự phục hồi trở lại, lao động có việc làm tăng lên đạt mức 50,9 triệu người, gần đạt được mức trước khi xảy ra dịch Covid-19 là 51,0 triệu người. Tuy nhiên, đến quý I năm 2021, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid với những diễn biến phức tạp ngay trong dịp Tết nguyên đán, đã làm giảm đà phục hồi của thị trường lao động đã đạt được trước đó. Lao động có việc làm giảm còn 49,9 triệu người, giảm 1,8% so với quý trước và giảm 0,36% so với cùng kỳ năm trước.



Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm các quý, giai đoạn 2019-2021

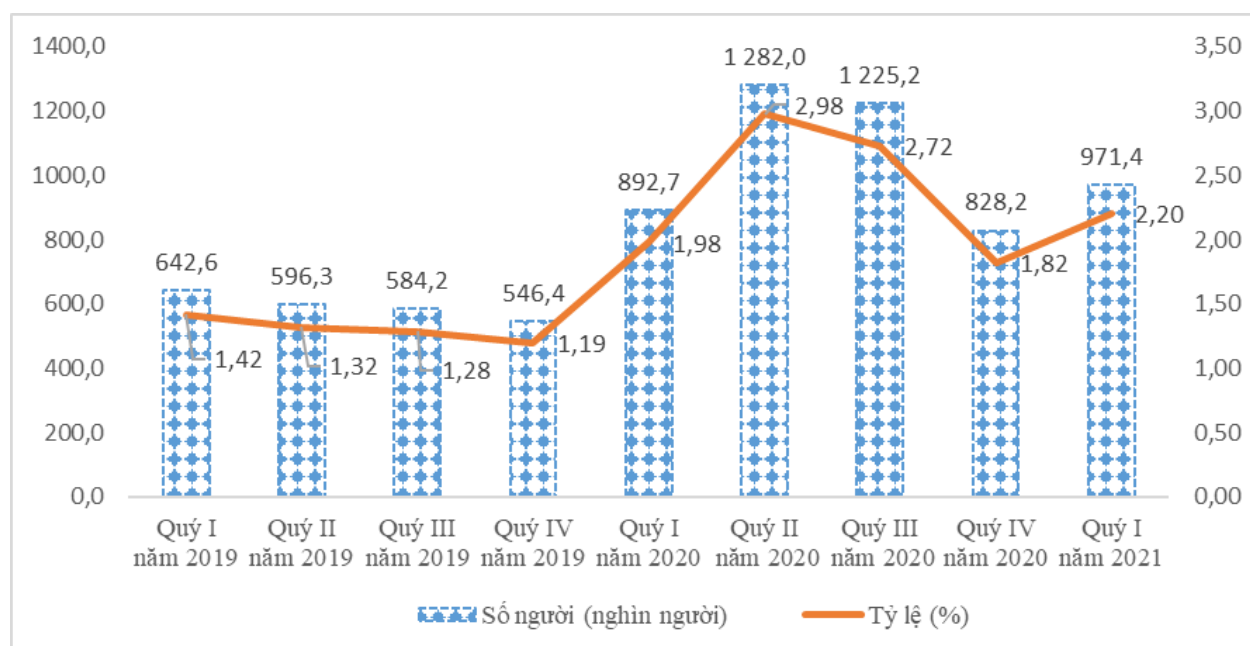
Sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong cộng đồng đã khiến 19,9% lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh và 19,0% lao động trong các doanh nghiệp/Hợp tác xã còn bị ảnh hưởng, chủ yếu là giảm thu nhập hoặc giảm giờ làm.

Tuy nhiên, dịch Covid 19 cũng góp phần thay đổi thói quen làm việc, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin của người lao động nhằm thích nghi với các diễn biến khó lường của đại dịch. Kết quả điều tra cho thấy, trong quý I năm 2021, có hơn 78 nghìn lao động cho biết do đại dịch Covid-19 nên họ đã chuyển đổi từ việc không ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sang có ứng dụng CNTT trong công việc của mình.

Kết quả điều tra cũng cho thấy rằng, mặc dù số người có việc làm giảm nhưng số phụ nữ có việc làm lại tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, mức tăng này ở phụ nữ chủ yếu là do tăng về số người có việc làm phi chính thức khiến tỷ lệ lao động phi chính thức của nữ giới tăng mạnh hơn so với nam giới (2,5 điểm phần trăm so với 1,2 điểm phần trăm). Đây có thể là do tác động của yếu tố “giới” khi tham gia thị trường lao động dưới tác động của đại dịch Covid-19: nữ giới dễ thỏa hiệp và không có nhiều cơ hội lựa chọn các công việc khi tham gia thị trường lao động so với nam giới, họ bắt buộc phải chấp nhận làm các công việc kém ổn định hơn miễn là có thể đảm bảo thu nhập cho bản thân và gia đình.

Dịch Covid-19 bùng phát lần thứ ba ngay trước và trong dịp Tết nguyên đán làm tăng đáng kể số lao động thiếu việc làm so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là 971,4 nghìn người; tăng 143,2 nghìn người so với quý trước và tăng 78,7 nghìn người so

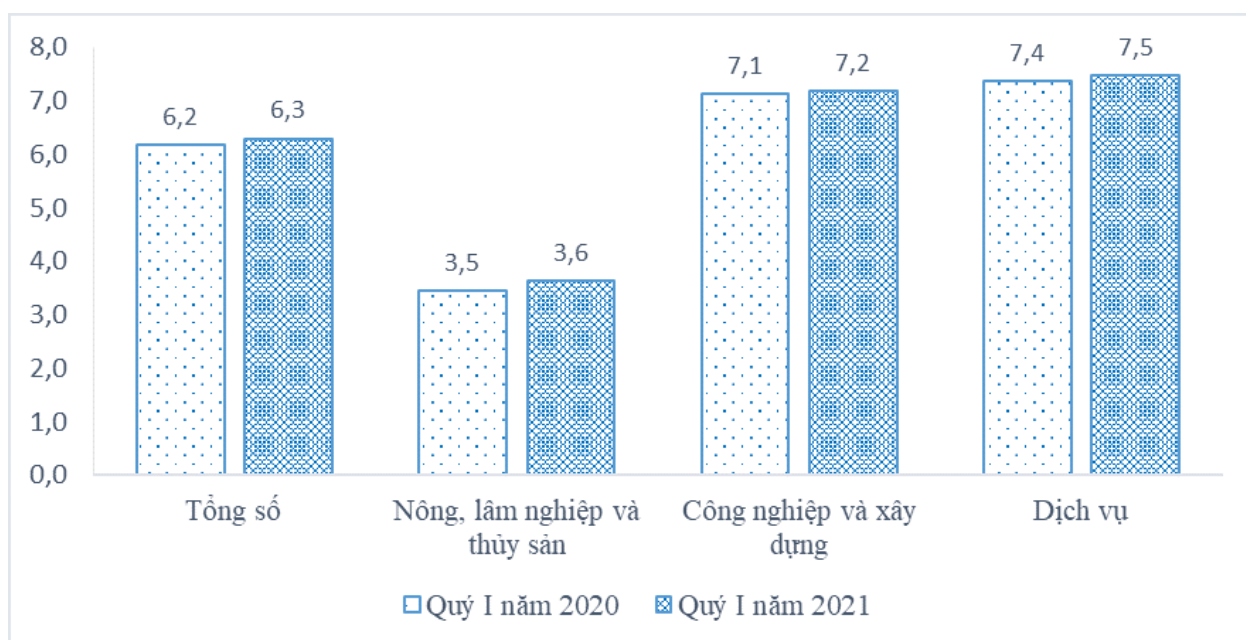
với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2021 là 2,20%; tăng 0,38 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,22 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.



Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi các quý, giai đoạn 2019-2021

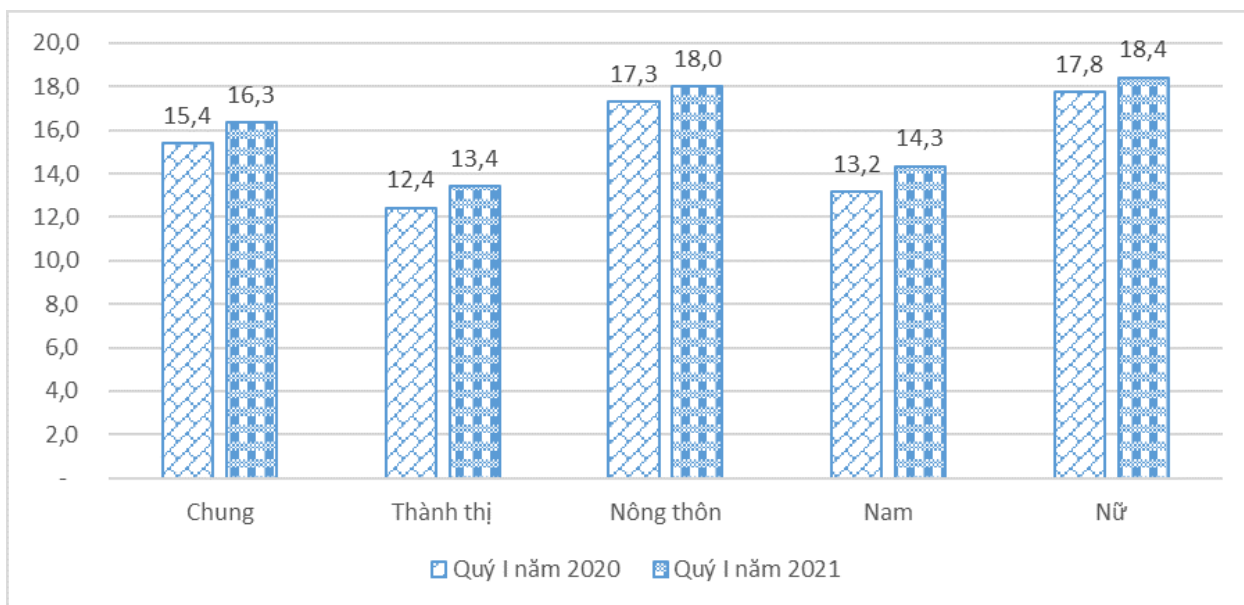
Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2021 đạt 6,3 triệu đồng, tăng 339 nghìn đồng so với quý trước và tăng 106 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao hơn 1,4 lần của lao động nữ (tương ứng 7,3 triệu đồng so với 5,2 triệu đồng); thu nhập bình quân lao động khu vực thành thị cao hơn 1,5 lần lao động khu vực nông thôn (tương ứng 7,9 triệu đồng so với 5,4 triệu đồng).

Bất chấp sự bùng phát của đại dịch Covid-19, thu nhập bình quân của người lao động quý I năm 2021 vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước và tăng ở cả ba khu vực kinh tế. Thu nhập bình quân tháng người lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,6 triệu đồng, tăng 181 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng có thu nhập bình quân là 7,2 triệu đồng, tăng 112 nghìn đồng và thu nhập bình quân của lao động trong khu vực dịch vụ là 7,5 triệu đồng, tăng 55 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.



Thu nhập bình quân tháng người lao động theo khu vực kinh tế, quý I năm 2020 và 2021

Số người thất nghiệp giảm so với quý trước nhưng tăng so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập hoặc đào tạo tăng lên so với cùng kỳ năm trước. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là gần 1,1 triệu người, giảm 137,0 nghìn người so với quý trước và tăng 12,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là 2,42%, giảm 0,21 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,08 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập hoặc đào tạo (viết gọn là tỷ lệ NEET, từ tiếng Anh là Youth not in employment, education or training) trong quý I năm 2021 là 16,3%, tương đương với gần 2 triệu thanh niên; tăng 0,9 điểm phần trăm tương đương với 51,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ NEET ở khu vực thành thị, nông thôn, nam, nữ đều tăng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng là 1,0 điểm phần trăm; 0,7 điểm phần trăm; 1,1 điểm phần trăm và 0,6 điểm phần trăm. Như vậy, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc tìm kiếm việc làm cũng như học tập của thanh niên, làm tỷ lệ NEET tăng lên.



Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo quý I năm 2020 và 2021

Nhìn chung, những con số thống kê về tình hình lao động việc làm quý I năm 2021 đã phản ánh những khó khăn và biến động của nền kinh tế nói chung và thị trường lao động Việt Nam nói riêng trong thời gian qua. Những khó khăn này là thách thức rất lớn đối với các nỗ lực của Chính phủ trước chủ trương hoàn thành tốt mục tiêu kép: vừa phát triển kinh tế vừa chiến thắng đại dịch.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC ĐƯỢC ĐƯA RA.

Trước tình hình đó, Tổng cục Thống kê đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường lao động trong bối cảnh đại dịch vẫn còn diễn biến khó lường. Cụ thể như sau:

Một là, tích cực nghiên cứu triển khai ngay việc cấp hộ chiếu vaccine, xây dựng các tiêu chí cần thiết để mở cửa thị trường du lịch quốc tế để giúp ngành dịch vụ nói chung và ngành du lịch nói riêng không bỏ lỡ cơ hội để phục hồi và phát triển. Các ngành này phát triển sẽ thu hút lượng lớn lao động tham gia, góp phần tận dụng tốt hơn tiềm năng sẵn có của lao động.

Hai là, tập trung đầu tư chất lượng cho người lao động về trình độ chuyên môn nhằm chuẩn bị ứng phó cho tình hình sau dịch.

Ba là, Nhà nước cùng với các doanh nghiệp tập trung nghiên cứu, đánh giá lại các chuỗi hoạt động từ đó giúp họ thoát khỏi khủng hoảng, đồng thời cần phải tổ chức hệ thống an sinh – xã hội toàn diện cho người lao động.

KẾT LUẬN

Sức lao động với tư cách là một hàng hóa đặc biệt chính là một trong những chìa khóa quan trọng quyết định tới sự phát triển của quốc gia. Lý luận hàng hóa sức lao động của C.Mác không chỉ đúng trong chủ nghĩa tư bản mà nó còn có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Giờ đây, dưới những tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID – 19, thị trường lao động đang phải

gánh chịu những tổn thất hết sức nặng nề. Tuy nhiên, nhờ có sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và sự hỗ trợ đến từ nhà nước đã đưa ra những giải pháp thiết thực giúp giải quyết phần nào những khó khăn trong đợt dịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kinh tế CT Mác - Lê nin – Bộ Giáo dục và đào tạo

Tài liệu online

1. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/04/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-i-nam-2021/>
2. <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Tac-dong-cua-dai-dich-Covid-19-125>
3. <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2020-09-09/de-xuat-3-nhom-giai-phap-cuu-thi-truong-lao-dong-92065.aspx>